TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÊ LINH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----------

Bản án số: 34/2025/ST-DS
Ngày 17/4/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Kiều Xuân Mai.
2/ Bà Dương Thị Kim Lan.
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy – Thư ký Toà án ND huyện Mê Linh
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mê Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2024/TLST - DS ngày 04 tháng 11 năm 2024. Về: Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/QĐXX - ST ngày 28/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/QĐ-HPT ngày 18/3/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **S.**
Địa chỉ trụ sở chính: quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà A – Chuyên viên kiểm soát tuân thủ phòng kiểm soát rủi ro và tuân thủ – Chi nhánh Đống Đa. Địa chỉ: quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- *Bị đơn*: Ông **Đ**, sinh năm 1971.
HKTT: T, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.
Có mặt: Bà A.
Vắng mặt: Ông Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn bà A trình bầy:*

1/ Về hợp đồng: Ngày 23/4/2019, ông Đ có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; ngày 24/4/2019, S ký duyệt đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Đ, nội dung chính như sau: Loại thẻ: Thẻ tín dụng JCB Jspeedy Cre Gold xxxx; hạn mức thẻ tín dụng: 50.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn là 33,2%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

2/ Về số tiền đã tiêu dùng: Tính đến hết ngày 17/4/2025, ông Đ đã sử dụng tiền tiêu dùng nhiều lần thông qua thẻ tín dụng với tổng số tiền là 271.077.665 đồng.

3/ Về số tiền đã trả: Tính đến hết ngày 17/4/2025, ông Đ đã trả cho ngân hàng thông qua thẻ tín dụng với số tiền là 301.990.000 đồng; trong đó trả nợ gốc 218.684.634 đồng; trả lãi và phí là 83.305.366 đồng. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả

nợ nên ngày 22/4/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Đ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

4/ Về số tiền còn nợ: Tính đến hết ngày 17/4/2025, ông Đ còn nợ Stổng số tiền là 80.724.891 đồng; trong đó: Nợ gốc là 52.393.031 đồng; Nợ lãi quá hạn là 28.331.860 đồng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Đ trả nợ cho S tổng số tiền là: 80.724.891 đồng; trong đó: Nợ gốc là 52.393.031 đồng; Nợ lãi quá hạn là 28.331.860 đồng; Tính hết ngày 17/4/2025.

- Buộc ông Đ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 18/4/2025 cho đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng S.

- Về án phí sơ thẩm: ông Đ phải chịu theo qui định của pháp luật. Ngoài ra, Ngân hàng không còn ý kiến gì thêm.

** Bị đơn ông Đ* đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa án làm việc và giao thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng ông Đ không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê linh không tham gia phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 23/4/2019, ông Đ có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với ngân hàng S.

Ngày 24/4/2019, Scấp thẻ tín dụng cho ông Đ. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 22/4/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Đ.

Ngày 01/10/2024, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh nhận được đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2024 và các tài liệu chứng cứ kèm theo của Ngân hàng S. Theo qui định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự "Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm". Vì vậy, thời hiệu khởi kiện của Svẫn còn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Hai bên tham gia ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Vì vậy, vụ án thụ lý quan hệ pháp luật về dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 6 nghị quyết 03/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012.

[3] Về thẩm quyền: Theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. "Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình qui định tại Điều 26... của bộ luật này". Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh.

[4] Về thủ tục: Quá trình xét xử vụ án bị đơn ông Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại T, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, không thay đổi nơi thường trú; đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa án làm việc và giao thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giao quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa lần đầu và lần này vẫn vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt ông Đ và dành quyền kháng cáo cho ông Đ theo quy định của pháp luật.

[5] Về nội dung:

[5.1] Về Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/4/2019 được Ngân hàng duyệt đồng ý cấp thẻ tín dụng ngày 24/4/2019 giữa ông Đ với Ngân hàng S. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của Ngân hàng S. Nhận thấy: Ngày 23/4/2019, ông Đ có Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng gửi Ngân hàng S; Ngày 24/4/2019, Scấp thẻ tín dụng, cụ thể như sau: Thẻ tín dụng JCB Jspeedy Cre Gold xxxx; hạn mức thẻ tín dụng: 50.000.000 đồng.

Theo tóm tắt sao kê thẻ số xxxx của ông Đ, tính từ ngày 22/5/2019 đến ngày 17/4/2025, ông Đ nhiều lần chi tiêu thông qua thẻ tín dụng với tổng cộng số tiền là 271.077.665 đồng. Vì vậy, có cơ sở và chứng cứ xác định Svà ông Đ có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng JCB Jspeedy Cre Gold xxxx.

[5.2] Về tiền nợ gốc: Syêu cầu ông Đ trả nợ tiền gốc là 52.393.031 đồng, tính đến hết ngày 17/4/2025. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của Ngân hàng S. Nhận thấy: Ngày 24/4/2019, Scấp cho ông Đ sử dụng thẻ tín dụng JCB Jspeedy Cre Gold xxxx; hạn mức tín dụng 50.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, tính từ ngày 25/5/2019 đến ngày 17/4/2025, ông Đ đã nhiều lần chi tiêu tiền thông qua thẻ tín dụng với tổng số tiền là 271.077.665 đồng và đã nhiều lần trả tiền thông qua thẻ tín dụng với tổng cộng số tiền gốc đã thanh toán thông qua thẻ tín dụng 218.684.634 đồng; tổng số tiền còn nợ gốc là: 52.393.031 đồng. Do ông Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Stheo thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, nên Skhởi kiện yêu cầu ông Đ trả số tiền gốc đã tiêu dùng là 52.393.031 đồng. Yêu cầu của Slà có căn cứ và phù hợp với qui định của pháp luật. Vì vậy, buộc ông Đ phải trả số tiền nợ gốc 52.393.031 đồng cho Slà phù hợp.

[5.3] Về tiền nợ lãi: Syêu cầu ông Đ trả tiền nợ lãi quá hạn là 28.331.860 đồng; tính đến hết ngày 17/4/2025.

+ Về lãi suất cho vay: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của Ngân hàng S. Nhận thấy: Lãi suất sử dụng thẻ tín dụng được áp dụng trên biểu phí theo qui định của Svà do hai bên thỏa thuận tại thời điểm sử dụng thẻ tín dụng là 33,2%/năm. Theo qui định tại khoản 2, Điều 9 Luật các tổ chức tín dụng "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo qui định của pháp luật...". Theo Mục 3 phần III công văn số 01/2017 ngày 07/4/2017 của Tòa án tối cao về giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ "Đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận mà không theo qui định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự". Vì vậy, có cơ sở chứng cứ xác định lãi suất sử dụng thẻ tín dụng do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về số tiền nợ lãi quá hạn: Syêu cầu ông Đ trả nợ tiền lãi quá hạn là 28.331.860 đồng; tính đến hết ngày 17/4/2025. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai, bảng kê tính lãi của Ngân hàng S. Nhận thấy: Lãi suất sử dụng thẻ tín dụng được áp dụng trên biểu phí chung theo qui định của Svà do hai bên thỏa thuận tại thời điểm sử dụng thẻ tín dụng với lãi suất trong hạn là 33,2%/năm và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn = 49,8%. Lãi suất sử dụng thẻ tín dụng được Stính phù hợp theo quy định của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu trả lãi của Svà buộc ông Đ phải trả nợ tiền lãi quá hạn là 28.331.860 đồng; tính đến hết ngày 17/4/2025.

[5.4] Về lãi phát sinh: Syêu cầu kể từ ngày 18/4/2025, ông Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cho đến khi thanh toán xong

khoản nợ gốc. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của Ngân hàng S. Nhận thấy: Số tiền nợ lãi trên Smới yêu cầu tính đến hết ngày 17/4/2025. Nay Stiếp tục yêu cầu ông Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền gốc tính lãi chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kể từ ngày 18/4/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Việc Syêu cầu ông Đ tiếp tục trả lãi suất phát sinh của số tiền gốc tính lãi chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 18/4/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ là phù hợp theo qui định của pháp luật và đúng với các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu lãi phát sinh của Ngân hàng S.

[6] Về án phí sơ thẩm: Tổng số tiền tranh chấp là 80.724.891 đồng; Tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 80.724.891 đồng x 5% = 4.036.000 đồng, ông Đ phải chịu để sung công quỹ nhà nước.

- Skhông phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 463, Điều 465; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Khoản 3 Điều 26, Điều 203, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.
- Luật Thi hành án dân sự.
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phánTòa án nhân dân tối cao; về hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S.

[2] Buộc ông Đ trả S, tổng số tiền nợ là: 80.724.891 đồng (Tám mươi triệu, bẩy trăm hai mươi bốn nghìn, tám trăm chín mươi mốt đồng); trong đó: Nợ gốc là 52.393.031 đồng; Nợ lãi quá hạn là 28.331.860 đồng; Tính hết ngày 17/4/2025.

[3] Buộc ông Đ tiếp tục trả khoản nợ lãi phát sinh cho S theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng từ ngày 18/4/2025 đến khi ông Đ trả hết các khoản nợ tại S.

[4] Về án phí sơ thẩm: 4.036.000 đồng (Bốn triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn đồng), ông Đ phải chịu để sung công quỹ nhà nước.

- S không phải chịu án phí nên được trả lại 1.612.000 đồng (Một triệu, sáu trăm mười hai nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0053xxxx ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6; 7; 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án vắng mặt.

Nơi nhận
- *Người tham gia tố tụng.*
- *VKSNDH. Mê Linh.*
- *TAND TP. Hà Nội.*
- *THA huyện Mê Linh.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*
- *Lưu án*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Huy Duệ